

Số : 06 /QĐ-THVK

Mạo Khê, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2024
của trường tiểu học Vĩnh Khê**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024”;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách năm 2024 của trường tiểu học Vĩnh Khê (đính kèm biểu số 02-dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2024 và biểu thuyết minh chi tiết).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu HS.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nguyệt

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính



Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 06 /QĐ-THVK ngày 03/01/2024 của Hiệu trưởng trường tiểu học Vĩnh Khê)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.265.514.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	11.265.514.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.115.754.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	149.760.000

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2024

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<u>Tổng số</u>	<u>11.265.514.000</u>	<u>3.009.772.000</u>	<u>2.817.248.000</u>	<u>2.684.764.000</u>	<u>2.753.730.000</u>
<u>A</u>	<u>Kinh phí tư chủ</u>	<u>11.115.754.000</u>	<u>2.947.372.000</u>	<u>2.754.848.000</u>	<u>2.659.804.000</u>	<u>2.753.730.000</u>
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>9.010.814.000</u>	<u>2.195.272.000</u>	<u>2.219.848.000</u>	<u>2.279.364.000</u>	<u>2.316.330.000</u>
	Mục 6000	4.920.000.000	1.200.000.000	1.220.000.000	1.240.000.000	1.260.000.000
	Mục 6050	75.816.000	25.272.000	16.848.000	8.424.000	25.272.000
	Mục 6100	2.620.000.000	640.000.000	650.000.000	660.000.000	670.000.000
	Mục 6200	32.940.000			32.940.000	
	Mục 6250	26.000.000	8.000.000	5.000.000	5.000.000	8.000.000
	Mục 6300	1.292.058.000	308.000.000	318.000.000	328.000.000	338.058.000
	Mục 6400	44.000.000	14.000.000	10.000.000	5.000.000	15.000.000
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>1.914.940.000</u>	<u>682.100.000</u>	<u>480.000.000</u>	<u>325.440.000</u>	<u>427.400.000</u>
	Mục 6500	130.100.000	40.100.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
	Mục 6550	300.000.000	100.000.000	80.000.000	50.000.000	70.000.000
	Mục 6600	55.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	10.000.000
	Mục 6650	5.000.000	-	-	5.000.000	-
	Mục 6700	27.000.000	10.000.000	5.000.000	7.000.000	5.000.000
	Mục 6750	99.840.000			37.440.000	62.400.000
	Mục 6900	551.000.000	300.000.000	150.000.000	1.000.000	100.000.000
	Mục 6950	-	-	-	-	-
	Mục 7000	747.000.000	217.000.000	200.000.000	180.000.000	150.000.000
	Mục 7050	-		-	-	
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>190.000.000</u>	<u>70.000.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>55.000.000</u>	<u>10.000.000</u>
	Mục 7750	190.000.000	70.000.000	55.000.000	55.000.000	10.000.000
<u>B</u>	<u>Kinh phí không tư chủ</u>	<u>149.760.000</u>	<u>62.400.000</u>	<u>62.400.000</u>	<u>24.960.000</u>	-
<u>1</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>149.760.000</u>	<u>62.400.000</u>	<u>62.400.000</u>	<u>24.960.000</u>	-
	Mục 6750	149.760.000	62.400.000	62.400.000	24.960.000	-
	- Chi tiền công bảo vệ	87.360.000	37.440.000	37.440.000	12.480.000	
	- Chi tiền công nhân viên phục vụ (vệ sinh)	62.400.000	24.960.000	24.960.000	12.480.000	

KÊ TOÁN

Nguyễn Hương Bưởi

Mạo Khê, ngày 03 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nguyệt

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ
CHƯƠNG 622-LOẠI 070-KHOẢN 072
MÃ QHNS: 1058389

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đông Triều, ngày 03 tháng 01 năm 2024

**THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ THEO NỘI DUNG,
NHIỆM VỤ CHI ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2024**
(PL3 kèm theo mẫu C 06-03/NS)

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-PGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ		
1	Chi trả tiền công bảo vệ	87.360.000	
2	Chi trả tiền công nhân viên phục vụ (vệ sinh)	62.400.000	
	Tổng cộng	149.760.000	

Tổng số tiền (Bằng chữ): Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn ./.

Kế toán

Nguyễn Hương Bưởi

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Nguyệt